

Số: 2847/QĐ-ĐHYD

Thừa Thiên Huế, ngày 17 tháng 9 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc Công nhận tốt nghiệp Chuyên khoa cấp I khóa 2016 - 2018
của Trường Đại học Y Dược Huế**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC

Căn cứ Thông tư số 08/2014/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 1389/QĐ-ĐHH ngày 10 tháng 7 năm 2014 của Giám đốc Đại học Huế ban hành Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Đại học Huế, các trường đại học thành viên và đơn vị trực thuộc;

Căn cứ Quyết định số 473/QĐ-ĐHYD ngày 01 tháng 3 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y Dược-Đại học Huế;

Căn cứ Quyết định số 1636/2001/QĐ-BYT ngày 25 tháng 5 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành quy chế đào tạo Chuyên khoa cấp I Sau đại học;

Căn cứ Công văn số 1828/BYT-K2ĐT ngày 04 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc hướng dẫn đào tạo Chuyên khoa cấp I, Chuyên khoa cấp II và Bác sĩ nội trú năm học 2018-2019;

Căn cứ Biên bản họp ngày 11/9/2018 Hội đồng Tốt nghiệp Chuyên khoa cấp I Sau đại học của Trường Đại học Y Dược Huế;

Theo đề nghị của Trường Phòng Đào tạo Sau Đại học, Trường Đại học Y Dược,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp Chuyên khoa cấp I khóa 2016 - 2018 cho 353 (Ba trăm năm mươi ba) học viên, thuộc 26 chuyên ngành, có danh sách kèm theo, kể từ ngày ký quyết định.

Điều 2. Các Ông/Bà Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học, Tổ chức-Hành chính, Kế hoạch-Tài chính và các Ông/Bà có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Y tế (để báo cáo);
- Lưu: VT, ĐT SDH.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS.TS. Nguyễn Vũ Quốc Huy

DANH SÁCH
CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CHUYÊN KHOA CẤP I
KHÓA HỌC 2016 - 2018 CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HUẾ

Hệ đào tạo: Tập trung

(Kèm theo Quyết định số: 2847/QĐ-ĐHYD ngày 17 tháng 9 năm 2018
của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Huế)

STT	TT CN	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
		1. Nội khoa (59)			
1	1	Nguyễn Tài Đại	06.05.1981	Nghệ An	
2	2	Thái Thị Ái Hạnh	01.06.1972	Bình Định	
3	3	Y Nguyễn Thị Thu Hảo	21.10.1984	Kon Tum	
4	4	Nguyễn Đình Hậu	01.01.1968	Quảng Ngãi	
5	5	Hồ Thanh Lệ	10.04.1972	Thừa Thiên Huế	
6	6	Lê Thị Nguyệt Linh	22.12.1973	Nghệ An	
7	7	Lê Hoàng Long	20.12.1969	Quảng Nam	
8	8	Huỳnh Văn Nghị	20.02.1972	Quảng Nam	
9	9	Zơ Râm Ngọ	18.05.1978	Quảng Nam	
10	10	Đinh Thị Quang	28.01.1980	Quảng Bình	
11	11	Vũ Hữu Tâm	29.09.1981	Nghệ An	
12	12	Trương Thị Kim Thắm	30.01.1982	Kon Tum	
13	13	Nguyễn Thị Diệu Thúy	14.02.1983	Quảng Bình	
14	14	Nguyễn Thị Vân	28.02.1972	Thừa Thiên Huế	
15	15	Trương Công Luận	06.10.1982	Quảng Trị	
16	16	Nguyễn Ngọc Diễm	20.04.1984	Quảng Ngãi	
17	17	Bùi Thị Mai Hà	12.09.1976	Quảng Ngãi	
18	18	Phan Thị Thanh Loan	06.06.1983	Quảng Trị	
19	19	Lê Hữu Cầu	01.01.1971	Bình Định	
20	20	Trương Văn Công	20.10.1972	Bình Định	
21	21	Tô Văn Cường	20.10.1970	Bình Định	
22	22	Trần Quốc Cường	24.12.1971	Bình Định	
23	23	Đào Thị Diễm	10.08.1970	Bình Định	
24	24	Nguyễn Đình	12.09.1971	Bình Định	
25	25	Phạm Văn Dur	04.01.1968	Bình Định	
26	26	Hồ Đình Dũng	19.05.1963	Bình Định	
27	27	Phạm Sỹ Hiệp	17.08.1976	Bình Định	
28	28	Lê Lai	15.10.1974	Bình Định	
29	29	Nguyễn Văn Long	01.02.1966	Bình Định	
30	30	Nguyễn Thị Ly	21.11.1982	Bình Định	
31	31	Châu Thị Hồng Nga	09.06.1974	Bình Định	
32	32	Nguyễn Thị Thanh Nhân	02.07.1985	Bình Định	
33	33	Phạm Nhất Nhiệm	30.10.1984	Bình Định	
34	34	Lê Minh Phùng	17.03.1971	Bình Định	

STT	TT CN	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
35	35	Nguyễn Văn	Quý	01.01.1990	Bình Định	
36	36	Phan Thị	Sáu	20.06.1973	Bình Định	
37	37	Nguyễn Văn	Tám	10.06.1972	Bình Định	
38	38	Đào Thị	Thắm	26.01.1984	Thanh Hóa	
39	39	Trương Thị Ánh	Tuyết	15.05.1990	Bình Định	
40	40	Nguyễn Tấn	Vũ	20.12.1974	Bình Định	
41	41	Huỳnh Minh	Chung	24.07.1969	Nghệ An	
42	42	Nguyễn Thái	Đồng	15.03.1973	Ninh Thuận	
43	43	Kiều Thị Vân	Hà	15.10.1976	Ninh Thuận	
44	44	La Đăng Phương	Hạ	01.12.1981	Ninh Thuận	
45	45	Ngô Minh	Hoàng	10.09.1965	Ninh Thuận	
46	46	Quảng Quỳnh Uyên	Huy	05.11.1988	Ninh Thuận	
47	47	Trần Kim	Khánh	12.01.1971	Ninh Thuận	
48	48	Nguyễn Khắc	Miên	05.03.1971	Ninh Thuận	
49	49	Nguyễn Văn	Nhi	15.12.1970	Ninh Thuận	
50	50	Võ Thị Ái	Nhi	25.10.1973	Quảng Trị	
51	51	Nguyễn Thị Hoàng	Oanh	08.11.1973	Ninh Thuận	
52	52	Nại Văn	Thánh	10.03.1971	Ninh Thuận	
53	53	Chamaléa	Thiên	12.12.1980	Ninh Thuận	
54	54	Quảng Đại	Thu	24.06.1969	Ninh Thuận	
55	55	Huỳnh Thị Thanh	Thúy	08.06.1975	Ninh Thuận	
56	56	Nguyễn Thị Ngọc	Thủy	27.10.1971	Bình Thuận	
57	57	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	15.05.1970	Ninh Thuận	
58	58	Trần Thị	Vân	08.05.1970	Ninh Thuận	
59	59	Nguyễn Trọng	Vu	01.01.1970	Ninh Thuận	
		2. Thần kinh (1)				
60	1	Trịnh Thanh	Tùng	19.03.1975	Thái Bình	
		3. Ngoại khoa (22)				
61	1	Trần Doãn	Chung	30.03.1982	Nghệ An	
62	2	Nguyễn Sỹ	Cường	22.10.1979	Thanh Hóa	
63	3	Đào Phú	Hân	26.01.1980	Kon Tum	
64	4	Lê Thanh	Hoàng	28.12.1986	Hà Tĩnh	
65	5	Lê Văn	Huy	17.10.1976	Hà Tĩnh	
66	6	Lê Văn	Khay	09.03.1977	Thừa Thiên Huế	
67	7	Hoàng Thành	Trung	03.04.1983	Nghệ An	
68	8	Mai Anh	Tuấn	28.10.1989	Thanh Hóa	
69	9	Hoàng Việt	Tuấn	14.12.1976	Thanh Hóa	
70	10	Lương Ngọc	Hùng	06.11.1983	Quảng Bình	
71	11	Trần Quang	Thanh	05.02.1981	Quảng Trị	
72	12	Chu Tiến	Dũng	10.07.1973	Nghệ An	
73	13	Phạm Thị Ngọc	Hạp	20.11.1972	Ninh Thuận	
74	14	Ung Văn	Hiếu	04.02.1965	Ninh Thuận	
75	15	Võ Tá	Lâm	18.01.1990	Đắk Nông	
76	16	Hán Văn	Mạng	02.06.1970	Ninh Thuận	

STT	TT CN	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
77	17	Vũ Văn	Nhân	20.07.1969	Ninh Thuận	
78	18	Lê Tấn	Sang	12.06.1972	Ninh Thuận	
79	19	Lê Văn	Tâm	09.01.1972	Ninh Thuận	
80	20	Nguyễn Đình	Thông	09.08.1972	Ninh Thuận	
81	21	Phạm Thanh	Thuân	20.05.1962	Nam Định	
82	22	Trương Quang	Vũ	01.04.1970	Ninh Thuận	
		4. Sản Phụ khoa (19)				
83	1	Nguyễn Đức	Cường	31.08.1984	Nghệ An	
84	2	Hồ Thị	Danh	10.11.1983	Quảng Bình	
85	3	Giản Viết	Hợp	27.07.1985	Nghệ An	
86	4	Lê Đức	Huân	12.04.1990	Quảng Bình	
87	5	Trần Thị Hoài	Hương	06.05.1981	Lâm Đồng	
88	6	Đinh Thị	Liên	03.02.1987	Quảng Ngãi	
89	7	Trần Thị Bé Pha	Ly	21.06.1972	Quảng Nam	
90	8	Trần Thị	Ngà	05.04.1970	Quảng Bình	
91	9	Nguyễn Văn	Quốc	18.03.1989	Thừa Thiên Huế	
92	10	Nguyễn Thị	Thương	20.10.1985	Quảng Nam	
93	11	Lê Thị Thanh	Thủy	12.12.1972	Quảng Nam	
94	12	Hoàng Quốc	Vũ	16.03.1969	Quảng Trị	
95	13	Trần Quang	Điệp	07.07.1973	Nghệ An	
96	14	Bùi Tiến	Đỉnh	08.02.1989	Thanh Hóa	
97	15	Trương Thị Mỹ	Dung	10.07.1984	Quảng Trị	
98	16	Nguyễn Thị	Hằng	31.01.1983	Quảng Trị	
99	17	Đinh Xuân	Quý	19.08.1983	Hà Tĩnh	
100	18	Nguyễn Thành	Tiến	15.12.1991	Thừa Thiên Huế	
101	19	Hồ Thị Huyền	Trang	18.10.1990	Nghệ An	
		5. Nhi khoa (29)				
102	1	Nguyễn Thị Ngọc	Duyên	12.04.1985	Quảng Nam	
103	2	Đinh Thanh	Hưng	31.08.1979	Quảng Bình	
104	3	Nguyễn Thị Kim	Hương	22.08.1974	Yên Bái	
105	4	Nguyễn Thị	Phức	10.12.1975	Hà Tĩnh	
106	5	Lưu Văn	Quân	16.05.1980	Thanh Hóa	
107	6	Đỗ Văn	Thành	20.09.1980	Thanh Hóa	
108	7	Trần Thị	Thủy	26.06.1976	Quảng Trị	
109	8	Nguyễn Thị Lê	Trang	08.06.1986	Nghệ An	
110	9	Ngô Huyền Hà	Uyên	20.08.1979	Thừa Thiên Huế	
111	10	Hoàng Thị	Nhâm	24.07.1982	Thừa Thiên Huế	
112	11	Trương Thị	Toan	01.09.1988	Cao Bằng	
113	12	Trần Văn	A	12.09.1989	Quảng Nam	
114	13	Nguyễn Phan Minh	Châu	21.10.1988	Đà Nẵng	
115	14	Nguyễn Ngọc	Đức	09.09.1989	Quảng Nam	
116	15	Lâm Thảo	Dung	21.10.1990	Gia Lai	
117	16	Đỗ Thị	Hà	30.08.1988	Thanh Hóa	
118	17	Trần Thanh	Hải	18.08.1986	Hà Nội	

STT	TT CN	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
119	18	Lưu Thị Mỹ	Hạnh	07.11.1986	Quảng Nam	
120	19	Bùi Thị Minh	Hiền	16.05.1982	Đà Nẵng	
121	20	Trần Bảo	Ngọc	13.04.1986	Đà Nẵng	
122	21	Nguyễn Bá Mai	Phương	02.09.1988	Quảng Nam	
123	22	Lê Thị Thúy	Quỳnh	12.07.1988	Quảng Ngãi	
124	23	Hồ Thị Hương	Thảo	31.03.1988	Quảng Nam	
125	24	Trương Thị Thùy	Thảo	10.06.1987	Quảng Nam	
126	25	Lê Thị Thanh	Thùy	16.04.1988	Bình Định	
127	26	Hồ Sĩ Ngọc	Tiến	20.02.1989	Quảng Trị	
128	27	Lưu Thị	Trang	29.08.1989	Quảng Nam	
129	28	Đinh Quang	Trung	16.03.1986	Quảng Nam	
130	29	Nguyễn Xuân	Trường	14.01.1972	Thái Bình	
		6. Nhân khoa (4)				
131	1	Nguyễn Xuân	Du	14.08.1976	Hà Tĩnh	
132	2	Dương Thị Thanh	Nga	03.10.1984	Vĩnh Phúc	
133	3	Nguyễn Thị Bích	Nhĩ	25.09.1985	Quảng Nam	
134	4	Thủy Châu	Thảo	21.05.1980	Quảng Nam	
		7. Tai Mũi Họng (2)				
135	1	Đậu Lê	Dương	02.04.1984	Nghệ An	
136	2	Nguyễn Duy	Thắng	23.10.1979	Lào Cai	
		8. Răng Hàm Mặt (65)				
137	1	Sầm Nga	Đích	06.03.1979	Nghệ An	
138	2	Võ Thị Mỹ	Diệu	20.08.1983	Quảng Ngãi	
139	3	Lương Thị Thúy	Kiều	13.01.1987	Quảng Nam	
140	4	Phạm Hữu	Phòng	11.11.1969	Quảng Bình	
141	5	Lê Thị Lan	Phương	28.12.1980	Quảng Trị	
142	6	Hoàng Nguyễn Anh	Thư	18.09.1981	Quảng Nam	
143	7	Hồ Phước	Tiến	21.11.1989	Quảng Nam	
144	8	Hồ Thị Ngọc	Tú	03.03.1982	Nghệ An	
145	9	Nguyễn Văn	Học	15.10.1988	Ninh Bình	
146	10	Nguyễn Doãn	Hùng	28.08.1982	Hà Tĩnh	
147	11	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	19.05.1972	Gia Lai	
148	12	Đỗ Ngọc	Anh	01.12.1984	Đồng Nai	
149	13	Cao Vũ Trúc	Anh	07.10.1981	Cần Thơ	
150	14	Đặng Thị Minh	Châu	02.11.1979	Đồng Nai	
151	15	Tô Sĩ	Chiến	29.10.1978	An Giang	
152	16	Nguyễn Thị Bích	Chiêu	19.08.1978	Tiền Giang	
153	17	Lê Văn	Chinh	04.03.1968	Thanh Hóa	
154	18	Đặng Ngọc	Cường	20.01.1989	Thừa Thiên Huế	
155	19	Lê Văn	Đại	12.05.1974	Thanh Hóa	
156	20	Huỳnh Ngọc	Diễm	01.01.1971	Long An	
157	21	Chau	Đô	09.09.1984	An Giang	
158	22	Nguyễn La Trí	Dũng	01.01.1974	Vĩnh Long	
159	23	Trần Thị Vĩnh	Hà	25.03.1973	Hà Tĩnh	

STT	TT CN	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
160	24	Trần Thanh	Hải	15.03.1972	Quảng Nam	
161	25	Đỗ Thị Thu	Hằng	16.08.1988	Đồng Nai	
162	26	Doãn Quốc	Hiếu	06.02.1970	Quảng Nam	
163	27	Phan Chí	Hiếu	22.09.1987	Kiên Giang	
164	28	Nguyễn Thị Phi	Hồng	23.09.1975	Bình Định	
165	29	Trần	Hùng	02.12.1978	Phú Thọ	
166	30	Hồ Hạc Bảo	Khánh	06.01.1973	Lâm Đồng	
167	31	Dương Ngọc	Liên	23.12.1971	Bạc Liêu	
168	32	Đinh Văn	Lưu	15.10.1973	Khánh Hòa	
169	33	Nguyễn Hữu	Lý	08.11.1977	Thanh Hóa	
170	34	Trần Thị	Lý	05.08.1975	Thái Bình	
171	35	Nguyễn Văn Hoàng	Minh	10.01.1972	Thừa Thiên Huế	
172	36	Vũ Tuyết	Nga	03.08.1973	TP Hồ Chí Minh	
173	37	Nguyễn Ngọc	Nghi	01.10.1989	Long An	
174	38	Nguyễn Thị Kim	Ngọc	17.05.1985	TP Hồ Chí Minh	
175	39	Nguyễn Văn	Nhuận	19.02.1977	Hưng Yên	
176	40	Huỳnh	Phi	12.02.1971	Bình Định	
177	41	Lê Tấn	Phước	07.06.1976	Quảng Ngãi	
178	42	Trương Thanh	Phước	02.12.1975	Đà Nẵng	
179	43	Nguyễn Thị Trinh	Phương	12.11.1980	Cần Thơ	
180	44	Đào Ngọc	Phương	17.08.1987	Sóc Trăng	
181	45	Nguyễn Thế	Quyền	28.02.1967	Đồng Nai	
182	46	Nguyễn Minh	Sơn	01.06.1965	Hà Tĩnh	
183	47	Trần Quốc	Sơn	25.11.1971	Đồng Nai	
184	48	Trần Thị Cẩm	Sương	05.04.1974	TP. Hồ Chí Minh	
185	49	Lê Thị Phương	Tại	27.01.1979	Quảng Ngãi	
186	50	Nguyễn Trọng	Tám	27.03.1973	Hà Tây	
187	51	Bùi Thanh	Tân	16.02.1980	Bà Rịa-Vũng Tàu	
188	52	Lê Viết	Thanh	16.02.1966	Bình Phước	
189	53	Huỳnh Văn	Thông	28.09.1973	Long An	
190	54	Hứa Kim	Thư	21.01.1987	Long An	
191	55	Phạm Thị Minh	Thư	29.12.1981	TP. Hồ Chí Minh	
192	56	Nguyễn Chung	Thủy	30.04.1975	TP. Hồ Chí Minh	
193	57	Nguyễn Văn	Trân	05.11.1972	Đà Nẵng	
194	58	Trần Lập	Trí	06.04.1989	Hậu Giang	
195	59	Trịnh Minh	Trí	06.04.1988	Long An	
196	60	Nguyễn Lê	Trung	17.02.1977	Phú Yên	
197	61	Đặng Minh	Tuấn	25.11.1975	TP. Hồ Chí Minh	
198	62	Vũ Thanh	Tùng	19.08.1973	Nam Định	
199	63	Nguyễn Thị Như	Tuyết	25.03.1977	Tây Ninh	
200	64	Phạm Hoàng Việt	Vy	25.04.1983	TP. Hồ Chí Minh	
201	65	Lê Sỹ	Xinh	30.12.1977	Thanh Hóa	
		9. Chẩn đoán hình ảnh (18)				
202	1	Hoàng Văn	Anh	19.05.1980	Quảng Bình	

STT	TT CN	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
203	2	Lê Văn	Anh	06.12.1969	Thừa Thiên Huế	
204	3	Mai Đức	Chiến	28.07.1984	Quảng Bình	
205	4	Tăng Văn	Hạnh	28.05.1970	Nghệ An	
206	5	Nguyễn Vương	Hùng	02.01.1974	Nghệ An	
207	6	Lê Xuân	Lan	26.04.1974	Hà Tĩnh	
208	7	Trần Thị	Loan	02.02.1982	Quảng Trị	
209	8	Võ Văn	Phong	14.02.1977	Hà Tĩnh	
210	9	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	05.08.1984	Thanh Hóa	
211	10	Nguyễn Phúc	Công	08.05.1978	Hà Tĩnh	
212	11	Trương Văn	Cường	27.08.1970	Đà Nẵng	
213	12	A	Đóa	19.09.1981	Kon Tum	
214	13	Phạm Viết	Lực	20.09.1976	Hà Tĩnh	
215	14	Trần Xuân	Nhất	15.11.1982	Quảng Ngãi	
216	15	Lê Đình	Sang	06.06.1981	Quảng Ngãi	
217	16	Trần Thị Thanh	Thảo	24.09.1990	Quảng Nam	
218	17	Trần Viết	Trường	02.09.1977	Hà Tĩnh	
219	18	Lê Văn	Tùng	02.12.1970	Quảng Nam	
		10. Gây mê hồi sức (10)				
220	1	Ngô Đức	Cường	12.11.1990	Thừa Thiên Huế	
221	2	Lê Bảo	Hoàng	18.09.1988	Thừa Thiên Huế	
222	3	Nguyễn Ánh	Hồng	18.02.1987	Quảng Bình	
223	4	Nguyễn Văn	Mạnh	03.02.1978	Thừa Thiên Huế	
224	5	Phan Bá Duy	Quang	15.08.1989	Thừa Thiên Huế	
225	6	Hồ Khắc	Trí	01.08.1969	Thừa Thiên Huế	
226	7	Nguyễn Sỹ	Linh	20.09.1986	Nghệ An	
227	8	Y Lợi	Adrong	10.10.1978	Đắk Lắk	
228	9	Đinh Văn	Ba	08.03.1982	Quảng Nam	
229	10	Nguyễn Thanh	Bình	24.10.1990	Nghệ An	
		11. Hồi sức cấp cứu (5)				
230	1	Nguyễn Trần Lê Nữ Vân	Anh	20.01.1979	Thừa Thiên Huế	
231	2	Trần Văn	Định	20.07.1983	Bình Định	
232	3	Huỳnh Thị Kim	Dung	15.05.1986	Quảng Nam	
233	4	Trần Hữu	Thương	27.10.1976	Quảng Nam	
234	5	Trương Đồng	Tiến	15.06.1983	Nghệ An	
		12. Y học cổ truyền (30)				
235	1	Nguyễn Văn	Chiến	01.01.1985	Kon Tum	
236	2	Lâm Văn	Du	16.07.1981	Nghệ An	
237	3	Lê Bá	Nguyễn	03.08.1972	Thanh Hóa	
238	4	Phạm Thành	Phi	09.09.1976	Thừa Thiên Huế	
239	5	Lê Đình Võ	Thủy	29.11.1981	Quảng Trị	
240	6	Đinh Hải	Tuấn	03.08.1976	Quảng Bình	
241	7	Lê Bình Phương	Danh	31.03.1990	Thừa Thiên Huế	
242	8	Đặng Tuấn	Long	24.03.1984	Thừa Thiên Huế	
243	9	Nguyễn Tấn	Sang	28.08.1989	Quảng Nam	

STT	TT CN	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
244	10	Hà Thị Lệ Thu	11.08.1974	Quảng Bình	
245	11	Lê Ngọc Tuấn Anh	21.11.1991	Long An	
246	12	Huỳnh Đăng Bảo Cương	24.06.1982	Long An	
247	13	Phạm Thị Dung	05.11.1988	Thanh Hóa	
248	14	Bùi Trọng Dũng	20.05.1979	Đồng Nai	
249	15	Cao Thị Thu Hà	18.12.1974	Bình Thuận	
250	16	Nguyễn Sơn Hòa	06.02.1980	Đồng Nai	
251	17	Lê Xuân Hòa	17.03.1974	Bình Định	
252	18	Nguyễn Thị Hương	21.05.1980	Hải Dương	
253	19	Hồ Thị Ngọc Huyền	01.06.1983	Phú Yên	
254	20	Mai Phi Long	10.05.1990	TP. Hồ Chí Minh	
255	21	Phạm Triều Minh	07.03.1982	Lâm Đồng	
256	22	Phan Thị Kim Như	18.05.1977	Tiền Giang	
257	23	Nguyễn Hồng Phúc	14.10.1986	Bình Dương	
258	24	Đào Phú Phúc	13.03.1985	TP. Hồ Chí Minh	
259	25	Lê Văn Phương	12.04.1977	TP. Hồ Chí Minh	
260	26	Phạm Thị Thu Thảo	14.10.1980	Hậu Giang	
261	27	Lê Thị Thủy	02.02.1970	Quảng Trị	
262	28	Hồ Minh Trọng	16.10.1985	TP. Hồ Chí Minh	
263	29	Nguyễn Anh Tuấn	08.11.1985	Lâm Đồng	
264	30	Phùng Thị Bích Tuyền	07.04.1980	An Giang	
		13. Phục hồi chức năng (3)			
265	1	Hoàng Quốc Anh	22.8.1985	Thừa Thiên Huế	
266	2	Trần Thị Xuân Thúy	25.03.1982	Thừa Thiên Huế	
267	3	Dương Tiến Thịnh	10.08.1980	Quảng Nam	
		14. Đa liệu (7)			
268	1	Trần Thị Khánh Hồng	02.09.1977	Quảng Bình	
269	2	Ngô Thị Nhung	20.08.1980	Quảng Bình	
270	3	Đặng Thành Tá	02.03.1971	Gia Lai	
271	4	Lê Thị Như Ngọc	02.01.1983	Quảng Trị	
272	5	Võ Trọng Phúc	04.08.1983	Nghệ An	
273	6	Nguyễn Duy Tân	10.02.1989	Bình Phước	
274	7	Mai Thị Thanh Thùy	02.09.1984	Đắk Lắk	
		15. Tâm thần (3)			
275	1	Phan Minh Hải	07.09.1979	Đà Nẵng	
276	2	Hồ Nguyễn Chí Long	18.04.1968	Đà Nẵng	
277	3	Hoàng Thị Hạnh	01.05.1982	Quảng Bình	
		16. Lao (3)			
278	1	Nguyễn Thị Phương Lan	10.04.1984	Quảng Trị	
279	2	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	19.07.1990	Thừa Thiên Huế	
280	3	Lê Quang Trung	20.12.1970	Quảng Ngãi	
		17. Tổ chức quản lý dược (32)			
281	1	Cao Xuân Biểu	10.10.1980	Quảng Bình	
282	2	Nguyễn Thị Bích Liên	22.06.1984	Kon Tum	

STT	TT CN	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
283	3	Bùi Thị Như	Nguyệt	24.05.1984	Quảng Nam	
284	4	Cao Nguyễn Đài	Trang	25.10.1972	Đà Nẵng	
285	5	Nguyễn Xuân	Việt	28.06.1983	Thừa Thiên Huế	
286	6	Nguyễn Thị Tuyết	Huệ	08.02.1988	Thừa Thiên Huế	
287	7	Trần Thị Vân	Anh	31.05.1982	Nam Định	
288	8	Võ Thị Lan	Anh	29.12.1981	Khánh Hòa	
289	9	Nguyễn Thị Minh	Châu	07.11.1987	Đà Nẵng	
290	10	Nguyễn Cẩn	Duy	12.08.1987	Quảng Ngãi	
291	11	Đặng Nguyễn Hiền	Giang	19.01.1987	Quảng Trị	
292	12	Nguyễn Thị Hà	Giang	17.02.1987	Đà Nẵng	
293	13	Lê Thị Thu	Hiền	04.11.1990	Đà Nẵng	
294	14	Hà Thị Như	Liên	11.10.1986	Thừa Thiên Huế	
295	15	Ngô Thị Kim	Loan	30.07.1984	Đà Nẵng	
296	16	Mạc Như	Mỹ	11.08.1981	Đà Nẵng	
297	17	Lê Thị Ni	Na	02.05.1988	Quảng Nam	
298	18	Hạ Thúy	Ngân	15.06.1990	Quảng Ngãi	
299	19	Nguyễn Thị	Phương	04.07.1990	Thanh Hóa	
300	20	Nguyễn Quỳnh	Phương	28.09.1987	Đà Nẵng	
301	21	Đinh Thị Diễm	Phương	20.12.1974	Đà Nẵng	
302	22	Lê Đình	Quang	22.10.1981	Đà Nẵng	
303	23	Trần Ngọc	Sơn	30.04.1990	Đà Nẵng	
304	24	Đỗ Bảo Diễm	Thi	18.12.1987	Đà Nẵng	
305	25	Lê Thị Hà	Thu	20.10.1985	Quảng Nam	
306	26	Nguyễn Trần Anh	Thư	10.06.1990	Đà Nẵng	
307	27	Nguyễn Thị Bích	Thuận	27.05.1987	Quảng Nam	
308	28	Cao Thanh	Toàn	16.08.1980	Bình Định	
309	29	Nguyễn Thị Diễm	Trang	18.05.1984	Quảng Ngãi	
310	30	Nguyễn Thị Phương	Trình	09.06.1987	Quảng Nam	
311	31	Ngô Đình	Tú	30.10.1982	Quảng Nam	
312	32	Nguyễn Đỗ Bảo	Yến	01.01.1988	Đà Nẵng	
		18. Được lý và được lâm sàng (9)				
313	1	Võ Thị Kim	Ánh	13.01.1987	Quảng Nam	
314	2	Phạm Văn	Đức	09.11.1981	Hà Tĩnh	
315	3	Trần Hữu Nhật	Duy	10.05.1987	Đà Nẵng	
316	4	Phạm Phi	Hải	01.02.1980	Bình Định	
317	5	Dương Thị Hoài	Hương	29.08.1979	Thừa Thiên Huế	
318	6	Đặng Xuân	Khoa	03.12.1991	Thừa Thiên Huế	
319	7	Trần	Tân	04.06.1989	Hà Tĩnh	
320	8	Đinh Toàn	Thắng	28.10.1989	Hà Tĩnh	
321	9	Cao Quốc	Tuấn	16.05.1984	Thừa Thiên Huế	
		19. Được liệu - Được cổ truyền (1)				
322	1	Hoàng Anh	Duyên	09.08.1982	Nghệ An	
		20. Điều dưỡng (6)				
323	1	Đoàn Thị	Hậu	05.05.1984	Quảng Nam	

STT	TT CN	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
324	2	Nguyễn Thị Hồng	28.03.1990	Quảng Ngãi	
325	3	Đặng Thị Thanh Huyền	21.10.1976	Quảng Bình	
326	4	Ngô Thị Kim Kiều	03.09.1988	Quảng Ngãi	
327	5	Lương Thị Kim Quy	26.11.1984	Quảng Ngãi	
328	6	Đặng Thị Quý	30.10.1975	Hà Nội	
		21. Cấp cứu đa khoa (1)			
329	1	Hoàng Văn Thái	05.10.1983	Nghệ An	
		22. Huyết học Truyền máu (1)			
330	1	Đặng Thị Thúy Hà	05.01.1983	Hà Tĩnh	
		23. Truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới (2)			
331	1	Nguyễn Phi Hùng	12.11.1971	Quảng Ngãi	
332	2	Nguyễn Thị Ngọc Thúy	10.09.1971	Quảng Bình	
		24. Hóa sinh y học (2)			
333	1	Nguyễn Thị Kim Oanh	08.08.1983	Quảng Bình	
334	2	Hoàng Thị Quỳnh Trang	01.04.1985	Quảng Bình	
		25. Y tế công cộng (1)			
335	1	Hoàng Thị Ngọc Trâm	21.12.1987	Thừa Thiên Huế	
		26. Y học gia đình (18)			
336	1	Phan Viết Bộ	23.08.1978	Nam Định	
337	2	Nguyễn Thị Chiên	20.06.1981	Hà Tĩnh	
338	3	Lê Đình Chính	20.08.1968	Khánh Hòa	
339	4	Nguyễn Du	10.11.1967	Khánh Hòa	
340	5	Trần Thị Thu Hà	06.10.1968	Thái Bình	
341	6	Nguyễn Thụy Phương Hạnh	15.09.1981	Khánh Hòa	
342	7	Trần Văn Hậu	17.03.1979	Khánh Hòa	
343	8	Lê Thị Loan	26.06.1978	Nghệ An	
344	9	Hồ Thị Lợi	27.03.1979	Khánh Hòa	
345	10	Lê Thị Minh Nguyệt	04.11.1981	Khánh Hòa	
346	11	Nguyễn Thị Minh Nhã	25.12.1981	Phú Yên	
347	12	Phạm Thị Hồng Nhiên	01.10.1980	Khánh Hòa	
348	13	Phạm Thị Hạnh Phúc	28.09.1981	Khánh Hòa	
349	14	Phạm Hữu Phước	24.08.1979	Khánh Hòa	
350	15	Phạm Thị Uyên Thảo	20.08.1980	Khánh Hòa	
351	16	Nguyễn Thị Thanh Thủy	08.10.1979	Khánh Hòa	
352	17	Nguyễn Thị Ngọc Thư	05.11.1981	Khánh Hòa	
353	18	Nguyễn Thị Trang	30.12.1979	Khánh Hòa	

Ấn định danh sách có 353 (Ba trăm năm mươi ba) học viên thuộc 26 chuyên ngành được Tốt nghiệp Chuyên khoa cấp I năm 2018 của Trường Đại học Y Dược Huế./.

Số: ~~3174~~ 14a/QĐ-ĐHYD

Thừa Thiên Huế, ngày 10 tháng 10 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc Công nhận tốt nghiệp Chuyên khoa cấp I khóa 2016 - 2018
của Trường Đại học Y Dược Huế (Đợt 2)**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC

Căn cứ Thông tư số 08/2014/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 1389/QĐ-ĐHH ngày 10 tháng 7 năm 2014 của Giám đốc Đại học Huế ban hành Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Đại học Huế, các trường đại học thành viên và đơn vị trực thuộc;

Căn cứ Quyết định số 473/QĐ-ĐHYD ngày 01 tháng 3 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y Dược-Đại học Huế;

Căn cứ Quyết định số 1636/2001/QĐ-BYT ngày 25 tháng 5 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành quy chế đào tạo Chuyên khoa cấp I Sau đại học;

Căn cứ Công văn số 1828/BYT-K2ĐT ngày 04 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc hướng dẫn đào tạo Chuyên khoa cấp I, Chuyên khoa cấp II và Bác sĩ nội trú năm học 2018-2019;

Căn cứ Biên bản họp ngày 09/10/2018 Hội đồng Tốt nghiệp Chuyên khoa cấp I Sau đại học của Trường Đại học Y Dược Huế;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Đào tạo Sau Đại học, Trường Đại học Y Dược,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp Chuyên khoa cấp I khóa 2016 - 2018 (đợt 2) cho 08 (tám) học viên, thuộc chuyên ngành Nội khoa, có danh sách kèm theo, kể từ ngày ký quyết định.

Điều 2. Các Ông/Bà Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học, Tổ chức-Hành chính, Kế hoạch-Tài chính và các Ông/Bà có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Y tế (để báo cáo);
- Lưu: VT, ĐT SDH.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Nguyễn Vũ Quốc Huy

DANH SÁCH
CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CHUYÊN KHOA CẤP I
KHÓA HỌC 2016 - 2018 CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HUẾ (ĐỢT 2)

Hệ đào tạo: Tập trung

*(Kèm theo Quyết định số: 3174/QĐ-ĐHYD ngày 10 tháng 10 năm 2018
của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Huế)*

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
	Nội khoa (08)				
1	Y	Tri	04.07.1979	Kon Tum	
2	Phạm	Mán	20.02.1969	Bình Định	
3	Taing Thị	Miên	10.11.1971	Ninh Thuận	
4	Nguyễn	Mười	28.02.1969	Ninh Thuận	
5	Bùi Tấn	Mười	25.12.1970	Quảng Ngãi	
6	Đinh Hoàng	Nương	10.02.1975	Quảng Ngãi	
7	Lê Thị	Phúc	14.02.1974	Ninh Thuận	
8	Phú Văn	Vệ	01.02.1974	Ninh Thuận	

*Ấn định danh sách có 08 (Tám) học viên thuộc chuyên ngành Nội khoa
được Tốt nghiệp Chuyên khoa cấp I Đợt 2 năm 2018 của Trường Đại học Y Dược Huế./.*

